

Số: 22 /2026/NQ-HĐND

Hải Phòng, ngày 28 tháng 7 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Đặt tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn thành phố Hải Phòng

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng;

Căn cứ Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Văn hóa – Thông tin về việc hướng dẫn thực hiện một số điều của Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng ban hành kèm theo Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ;

Xét Tờ trình số 189/TTr-UBND ngày 17 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc đề nghị thông qua Nghị quyết về đặt tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn thành phố Hải Phòng; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng ban hành Nghị quyết đặt tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 1. Đặt tên 33 đường, 62 phố và 03 công trình công cộng trên địa bàn thành phố Hải Phòng theo Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Điều 2. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 08 tháng 8 năm 2026.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức thực hiện phân định ranh giới, gắn biển tên đường, phố, công trình công cộng và tuyên truyền để Nhân dân hiểu ý nghĩa tên đường, phố và công trình công cộng được đặt tên theo Nghị quyết này.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân thành phố, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng khóa XVII, Kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 28 tháng 7 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội,
- Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu (Quốc hội);
- Các Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Tài chính, Nội vụ, Tư pháp;
- Cục Kiểm tra VB và TCTHPL (Bộ Tư pháp);
- TTTU, TT HĐND TP, UBND TP;
- Đoàn ĐBQH HP;
- Ủy ban MTTQ VN TP;
- Các Ban HĐND TP;
- Đại biểu HĐND TP khóa XVII;
- Các VP: TU, ĐDBQH và HĐND TP, UBND TP;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể TP;
- TT ĐU, TT HĐND, UBND cấp xã;
- Báo và PTTH HP, Công báo HP, Cổng TTĐT TP;
- Lưu: VT, HSKH.

CHỦ TỊCH



Lê Văn Hiệu

Phụ lục

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2026/NQ-HĐND ngày tháng 7 năm 2026
của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng)

I. ĐẶT TÊN 33 ĐƯỜNG

1. Phường An Hải: 05 đường

1.1. Đường Hoàng Công Thản

- Điểm đầu: giao Tỉnh lộ 351, Tổ dân phố Kiều Đông; điểm cuối: tiếp giáp đường Nguyễn Trường Tộ, Tổ dân phố Xích Thổ.

- Đường dài: 1.700m, rộng: 9-10m, vỉa hè: 1-1,5m.

1.2. Đường An Đồng

- Điểm đầu: nút giao khác mức đại lộ Tôn Đức Thắng và đường Nguyễn Văn Linh, Tổ dân phố đại lộ Tôn Đức Thắng; điểm cuối: giao Tỉnh lộ 351, Tổ dân phố 4, phường An Dương.

- Đường dài: 4.000m, rộng: 11m, vỉa hè: 5m.

1.3. Đường Bùi Thị Thực

- Điểm đầu: giao Tỉnh lộ 351, Tổ dân phố Đào Yêu; điểm cuối: cánh đồng Đào Yêu, Tổ dân phố Đào Yêu.

- Đường dài: 1.650m, rộng: 7m, vỉa hè: 1m.

1.4. Đường Đồng Thái

- Điểm đầu: ngã ba mương An Kim Hải, Tổ dân phố Kiên Phong; điểm cuối: giáp đường Trang Quan, Tổ dân phố Trang Quan.

- Đường dài: 3.730m, rộng: 7-10m, vỉa hè: 1,5m.

1.5. Đường Đỗ Minh

- Điểm đầu: ngã tư chợ Vĩnh Khê, Tổ dân phố Vĩnh Khê; điểm cuối: mương An Kim Hải, giáp địa phận Tổ dân phố Bạch Mai.

- Đường dài: 1.500m, rộng: 7m, vỉa hè: 1-2m.

2. Phường An Phong: 06 đường

2.1. Đường Nguyễn Công Vàng

- Điểm đầu: ngã tư đường An Phong, Tổ dân phố Hà Đỗ 2; điểm cuối: giáp địa phận phường An Hòa, Tổ dân phố Hà Đỗ 1.

- Đường dài: 1.850m, rộng: 7,5m, vỉa hè: 1-1,5m.

2.2. Đường An Phong

- Điểm đầu: cầu Hồ Đông; điểm cuối: giao Quốc lộ 17B, Tổ dân phố Đình Ngọ.
- Đường dài: 2.512m, rộng: 9,5m, vỉa hè: 1,5-2,5m.

2.3. Đường Lê Thiện

- Điểm đầu: giao Trạm thu phí Quốc lộ 5, Tổ dân phố Lê Thiện; điểm cuối: cầu Kim Tân, Tổ dân phố Cũ.
- Đường dài: 3.300m, rộng: 7,5-9 m, vỉa hè: 1-1,5m.

2.4. Đường Phạm Tụng

- Điểm đầu: giao Quốc lộ 5, Tổ dân phố Phí Xá; điểm cuối: Nhà văn hóa Tổ dân phố Cũ.
- Đường dài: 1.700m, rộng: 7m, vỉa hè: 1-2m.

2.5. Đường Tỉnh Thủy

- Điểm đầu: giao Quốc lộ 17B, Tổ dân phố Ngọ Dương; điểm cuối: đê sông Lạch Tray, Tổ dân phố Tỉnh Thủy.
- Đường dài: 1.986m, rộng: 7m, vỉa hè: 1,5m.

2.6. Đường An Hòa

- Điểm đầu: giao đường Nguyễn Công Vàng, Tổ dân phố Hà Đỗ 1; điểm cuối: giao phố An Phúc, Tổ dân phố Ngọ Dương.
- Đường dài: 4.760m, rộng: 7m, vỉa hè: 1,5m.

3. Phường Bạch Đằng: 02 đường

3.1. Đường Bàn Lư

- Điểm đầu: giao Tỉnh lộ 359; điểm cuối: Lữ đoàn 126 đặc công, Tổ dân phố Khuông Lư.
- Đường dài: 1.920m, rộng: 7,5m; vỉa hè: 3m.

3.2. Đường Tràng Kênh

- Điểm đầu: Cầu Tràng Kênh, Tổ dân phố Chiến Thắng; điểm cuối: sông Giá, Tổ dân phố Quyết Tiến.
- Đường dài: 4.500m, rộng: 15m.

4. Phường Chu Văn An: 01 đường

4.1. Đường Kiệt Thượng

- Điểm đầu: số nhà 444 - 446 đường Lê Thánh Tông/Quốc lộ 18; điểm cuối: phố Nguyễn Quang Dương.
- Đường dài: 2.000m, rộng: 7,5-8m, vỉa hè: 2,5-3m.

5. Phường Hoà Bình: 02 đường

5.1. Đường Trần Quốc Nghiễn

- Điểm đầu: giao Tỉnh lộ 359, Tổ dân phố An Lư; điểm cuối: cầu Thủy Hà (Tổ dân phố Cây Đa).

- Đường dài: 1.630m; rộng: 7-8m; vỉa hè: 2,0m.

5.2. Đường Tuy Lạc

- Điểm đầu: giao Tỉnh lộ 359, Tổ dân phố Thủy Triều; điểm cuối: giáp Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng, Tổ dân phố Thủy Hà.

- Đường dài: 3.000m; rộng: 5,0-6,0m.

6. Phường Hồng An: 03 đường

6.1. Đường An Hồng

- Điểm đầu: giao Quốc lộ 10 (Cầu Gổ); điểm cuối: Lữ đoàn 131 Hải Quân, Tổ dân phố Song Mai.

- Đường dài: 2.100m; rộng: 7-10m, vỉa hè: 1-1,5m.

6.2. Đường Hồng Hưng

- Điểm đầu: ngã tư Ủy ban nhân dân phường Hồng An; điểm cuối: Trạm bơm Đồng Thanh, kênh Tân Hưng Hồng, Tổ dân phố Đồng Thanh.

- Đường dài: 2.100m, rộng: 7-10m, vỉa hè: 1-1,5m.

6.3. Đường Đại Bản

- Điểm đầu: giao Quốc lộ 5; điểm cuối: tiếp giáp đê thuộc Tổ dân phố Duyên Hải.

- Đường dài: 4.300m, rộng: 5,5m, vỉa hè: 1-1,5m.

7. Phường Lê Chân: 01 đường

7.1. Đường Hồ Sen

- Điểm đầu: giao Hồ Sen - Tô Hiệu; điểm cuối: vòng xuyên - Cầu vượt đường Nguyễn Văn Linh.

- Đường dài: 1.800m, rộng: 32,5-35m, vỉa hè: 10m, có dải phân cách.

8. Phường Lư Kiếm: 05 đường

8.1. Đường Kênh Giang

- Điểm đầu: giao Quốc lộ 10, Tổ dân phố Trại Kênh; điểm cuối: Thửa số 254, tờ bản đồ số 02, Tổ dân phố Mỹ Giang.

- Đường dài: 4.000m, rộng: 6,5m-9m, vỉa hè: 1,5m-3m.

8.2. Đường Trại Kênh

- Điểm đầu: giao Quốc lộ 10, Tổ dân phố Trại Kênh; điểm cuối: Cống Găng (thửa số 559, tờ bản đồ số 04), Tổ dân phố Kênh Giang.

- Đường dài: 2.510m, rộng: 6,5m, vỉa hè: 1,5m.

8.3. Đường Trà Sơn

- Điểm đầu: Cống Găng (thửa số 559, tờ bản đồ số 04); điểm cuối: thửa số 83, tờ bản đồ số 03, Tổ dân phố Trà Sơn.

- Đường dài: 1.600m, rộng: 6,5m, vỉa hè: 1,5m.

8.4. Đường Hàm Long

- Điểm đầu: Trường Tiểu học Lưu Kiếm, Tổ dân phố Lưu Kỳ (thửa số 1140B, tờ bản đồ số 02); điểm cuối: ngã ba, Tổ dân phố Phúc Liệt, thửa số 148B, tờ bản đồ số 04).

- Đường dài: 1.814m, rộng: 5,5-7m, vỉa hè: 2m.

8.5. Đường Lưu Kỳ

- Điểm đầu: giao Quốc lộ 10 (thửa số 1034, tờ bản đồ số 02); điểm cuối: đê Đá Bạc, Tổ dân phố Lưu Kỳ (thửa số 174, tờ bản đồ số 01).

- Đường dài: 1.840m, rộng: 7m, vỉa hè: 2m.

9. Phường Nam Đồ Sơn: 02 đường

9.1. Đường Nguyễn Quang Khuê

- Điểm đầu: giao đường Trung Nghĩa; điểm cuối: giao đường bộ ven biển.

- Đường dài: 2.100m; rộng: 6m.

9.2. Đường Tư Sinh

- Điểm đầu: ngã ba giao đường Nguyễn Quang Khuê; điểm cuối: tiếp giáp nghĩa trang Nhân dân thôn Lão Phú, xã Kiến Hải.

- Đường dài: 2.468m, rộng: 4,5m.

10. Phường Thiên Hương: 02 đường

10.1. Đường Đồng Giá

- Điểm đầu: giao Tỉnh lộ 203, Tổ dân phố Thiên Hương 4; điểm cuối: Cống Gạo, Tổ dân phố Thiên Hương 3.

- Đường dài: 1.774m; rộng: 5m.

10.2. Đường Kiên Bái

- Điểm đầu: ngã tư Tỉnh lộ 352 chợ Trịnh, Tổ dân phố Thiên Hương 4; điểm cuối: bến Kiên Bái.

- Đường dài: 2.292m; rộng: 7m.

11. Phường Thủy Nguyên: 04 đường

11.1. Đường Khánh Long

- Điểm đầu: giao đường 25 tháng 10, khu đô thị Tân Quang Minh, Tổ dân phố Thủy Sơn 1; điểm cuối: tiếp giáp Nhà văn hóa Tổ dân phố Thủy Sơn 3.

- Đường dài: 2.340m; rộng: 15m; vỉa hè: 3m.

11.2. Đường Thủy Sơn

- Điểm đầu: ngã ba giao đường 25 tháng 10, Tổ dân phố Núi Đèo 1; điểm cuối: giao Quốc lộ 10, Công ty May Nam Thuận (cầu Trịnh Xá).

- Đường dài: 2.750m; rộng: 10m; vỉa hè: 3m.

11.3. Đường Dương Quan

- Điểm đầu: giao đường 25 tháng 10, trụ sở Công an phường Thủy Nguyên, Tổ dân phố Tân Dương 1; điểm cuối: khu tái định cư Bắc Sông Cấm (giai đoạn 2).

- Đường dài: 2.010m, rộng: 7m, vỉa hè: 1-3m.

11.4. Đường 25 tháng 10

- Điểm đầu: Cầu Bính; điểm cuối: bến Phà Rừng.

- Đường dài: 14.400m; rộng 20-31,5 m; vỉa hè 3-7 m; qua địa bàn 4 phường: Thủy Nguyên, Hoà Bình, Bạch Đằng, Nam Triệu.

II. ĐẶT TÊN 62 PHỐ

1. Phường An Hải: 19 phố

1.1. Phố Tiên Sa

- Điểm đầu: Đường vào Vườn hoa cây xanh Tổ dân phố Kiều Đông; điểm cuối: giáp bờ đê Lạch Tray, Tổ dân phố Kiều Đông.

- Phố dài: 668m, rộng: 5,5m, vỉa hè: 1m.

1.2. Phố Hy Tái

- Điểm đầu: số 35 Tỉnh lộ 351, Tổ dân phố Kiều Trung; điểm cuối: số 133 Tỉnh lộ 351, Tổ dân phố Kiều Trung.

- Phố dài: 890m, rộng: 5,5m, vỉa hè: 0,5m-1m.

1.3. Phố Vĩnh Khê

- Điểm đầu: giao đường An Đồng, Tổ dân phố Vĩnh Khê; điểm cuối: cổng Bạch Mai, Tổ dân phố Bạch Mai.

- Phố dài: 757m, rộng: 7m, vỉa hè: 1m.

1.4. Phố Văn Cú

- Điểm đầu: Đình Vân Tra, Tổ dân phố Vân Tra; điểm cuối: đình Văn Cú, Tổ dân phố Văn Cú.

- Phố dài: 550m, rộng: 8m, vỉa hè: 1-2m.

1.5. Phố Trang Quan

- Điểm đầu: số 1033 đường Nguyễn Văn Linh; điểm cuối: cổng làng Hoàng Mai, Tổ dân phố Hoàng Mai.

- Phố dài: 1.500m, rộng: 7-12m, vỉa hè: 3-4m.

1.6. Phố Vũ Sào

- Điểm đầu: Miếu Ba Trạc, giao Quốc lộ 17B, Tổ dân phố Vĩnh Khê; điểm cuối: giao đường An Đồng, Tổ dân phố Vĩnh Khê.

- Phố dài: 580m, rộng: 6m, vỉa hè: 1m.

1.7. Phố An Trang

- Điểm đầu: số 446 đại lộ Tôn Đức Thắng; điểm cuối: số 816 đường Nguyễn Văn Linh.

- Phố dài: 359m, rộng: 7m, vỉa hè: 1-2m.

1.8. Phố Cái Tắt

- Điểm đầu: giáp mương An Kim Hải, Tổ dân phố Cái Tắt; điểm cuối: giao đường An Đồng, Tổ dân phố Cái Tắt.

- Phố dài: 700m, rộng: 7m, vỉa hè: 1-2m.

1.9. Phố Đồng Tiến

- Điểm đầu: giao đường An Đồng (Trường Mầm non An Đồng I), Tổ dân phố Cái Tắt; điểm cuối: giao Quốc lộ 17B, Tổ dân phố Cái Tắt.

- Phố dài: 471m, rộng: 5,5m, vỉa hè: 1-2m.

1.10. Phố Minh Kha

- Điểm đầu: giao Tỉnh lộ 351 (chợ Minh Kha), Tổ dân phố Minh Kha; điểm cuối: ngã ba giao phố Đỗ Bảo Chân, Tổ dân phố Minh Kha.

- Phố dài: 907m, rộng: 7-10m, vỉa hè: 1,5m.

1.11. Phố Văn Phong

- Điểm đầu: cầu Kiến Phong, Tổ dân phố Kiến Phong; điểm cuối: Đình Văn Cú, giáp Tổ dân phố Văn Cú.

- Phố dài: 982m, rộng: 7-10m, vỉa hè: 1,5m.

1.12. Phố Hoàng Đăng Bảo

- Điểm đầu: giao phố Minh Kha (Doanh trại Tên lửa 3), Tổ dân phố Minh Kha; điểm cuối: giáp Tổ dân phố Văn Phong.

- Phố dài: 522m, rộng: 7-10m, vỉa hè: 1,5m.

1.13. Phố Bạch Mai

- Điểm đầu: ngã ba giao đường Đồng Thái, Tổ dân phố Bạch Mai; điểm cuối: giáp mương An Kim Hải, Tổ dân phố Bạch Mai.

- Phố dài: 735m, rộng: 9-12m, vỉa hè: 1,5m.

1.14. Phố Kiều Trung

- Điểm đầu: giao Tỉnh lộ 351 (cổng làng Kiều Trung), Tổ dân phố Kiều Trung; điểm cuối: chùa Kiều Trung, Tổ dân phố Kiều Trung.

- Phố dài: 1.200m, rộng: 6-7m, vỉa hè: 1m.

1.15. Phố Đỗ Bảo Chân

- Điểm đầu: giao Tỉnh lộ 351, Tổ dân phố Minh Kha; điểm cuối: giao phố Văn Phong.

- Phố dài: 1.070m, rộng: 7-10m, vỉa hè: 1,5m.

1.16. Phố Bùi Xuân Hổ

- Điểm đầu: giao Tỉnh lộ 351, Tổ dân phố Kiều Đông; điểm cuối: Tổ dân phố Đào Yêu, giáp địa phận phường An Dương.

- Phố dài: 1.450m, rộng: 9m, vỉa hè: 1,5m.

1.17. Phố Hoàng Mai

- Điểm đầu: Khu chung cư Hoàng Mai, Tổ dân phố Hoàng Mai; điểm cuối: giao đường Nguyễn Trường Tộ, Tổ dân phố Hoàng Mai.

- Phố dài: 1050m, rộng: 7-10m, vỉa hè: 1,5m.

1.18. Phố Mai Phong

- Điểm đầu: ngã ba mương An Kim Hải, Tổ dân phố Bạch Mai; điểm cuối: Nhà văn hóa Tổ dân phố Kiến Phong.

- Phố dài: 1.310m, rộng: 6-8,5m, vỉa hè: 1,5m.

1.19. Phố Vũ Dao:

- Điểm đầu: giao đường An Đồng, Tổ dân phố Vĩnh Khê; điểm cuối: giáp mương thủy nông, Tổ dân phố Văn Cú.

- Phố dài: 1.100m, rộng: 7-12m, vỉa hè: 1-2,5m.

2. Phường An Phong: 07 phố

2.1. Phố Hà Đỗ

- Điểm đầu: Nhà văn hóa Tở dân phố Hà Đổ 2; điểm cuối: giao đường An Phong, Tở dân phố Hà Đổ 1.

- Phố dài: 990m, rộng: 5,5m, vỉa hè: 1,5-2m.

2.2. Phố Đình Ngỏ

- Điểm đầu: giao Quốc lộ 17B, Tở dân phố Đình Ngỏ; điểm cuối: giáp Khu công nghiệp An Dương, Tở dân phố Đình Ngỏ.

- Phố dài: 730m, rộng: 5,5m, vỉa hè: 1-1,5m.

2.3. Phố Hoàng Lâu

- Điểm đầu: giao Quốc lộ 17B, Tở dân phố Hoàng Lâu; điểm cuối: giao đường Quyết Tiến, Tở dân phố Hoàng Phong.

- Phố dài: 1.243m, rộng: 5,5m, vỉa hè: 2m.

2.4. Phố Đào Công Tế

- Điểm đầu: Ga Dụ Nghĩa, Tở dân phố Lê Thiện; điểm cuối: ngã ba giao đường Lê Thiện, Tở dân phố Dụ Nghĩa.

- Phố dài: 700m, rộng: 7m, vỉa hè: 1-1,5m.

2.5. Phố Dụ Nghĩa

- Điểm đầu: giao Quốc lộ 5, Tở dân phố Lê Thiện; điểm cuối: giao ngã ba đường Lê Thiện, Tở dân phố Lê Thiện.

- Phố dài: 700m, rộng: 5,5m, vỉa hè: 1m.

2.6. Phố An Phúc

- Điểm đầu: ngã ba giao đường An Hòa, Tở dân phố An Hoà; điểm cuối: giao Quốc lộ 17B, Tở dân phố An Hoà.

- Phố dài: 700m, rộng: 7m, vỉa hè: 1,5m.

2.7. Phố Hoàng Độ

- Điểm đầu: ngã ba Trường Tiểu học An Hòa, Tở dân phố An Hoà; điểm cuối: giao Quốc lộ 17B, Tở dân phố An Hoà.

- Phố dài: 630m, rộng: 9m, vỉa hè: 1,5m.

3. Phường Bạch Đằng: 02 phố.

3.1. Phố Hoàng Tôn

- Điểm đầu: ngã ba Tở dân phố Minh Đức; điểm cuối: Tở dân phố Quyết Hùng.

- Phố dài: 1.270m, rộng: 5m.

3.2. Phố Sơn Đông

- Điểm đầu: giao Tỉnh lộ 359, Tổ dân phố My Đông; điểm cuối: Công ty cấp nước Hải Phòng, Tổ dân phố My Đông.

- Phố dài: 1.080 m, rộng: 5m, vỉa hè: 2m.

4. Phường Chu Văn An: 02 phố

4.1. Phố Tường

- Điểm đầu: số 961 đường Lê Thánh Tông/Quốc lộ 18; điểm cuối: núi Tên Lửa, Tổ dân phố Văn An.

- Phố dài: 900m, rộng: 6-7m.

4.2. Phố Nguyễn Quang Dương

- Điểm đầu: ngõ 78 phố Nguyễn Lễ; điểm cuối: số 47 phố Nguyễn Phong (Tổ dân phố Kiệt Đặc).

- Phố dài: 1.500m, rộng: 5,5-6,5m.

5. Phường Đồ Sơn: 01 phố

5.1. Phố Trung Dũng

- Điểm đầu: số 144 đường Nguyễn Hữu Cầu; điểm cuối: tiếp giáp Sân golf Đồ Sơn.

- Phố dài: 305m, rộng: 33m, dải phân cách giữa 13m, vỉa hè: 3m.

6. Phường Hoà Bình: 02 phố

6.1. Phố Hà Luận:

- Điểm đầu: giao Tỉnh lộ 359C, Tổ dân phố Hà Luận; điểm cuối: ngã tư Trường THCS Hoà Bình.

- Phố dài: 800m, rộng: 5,5-6,5m, vỉa hè: 1,5m.

6.2. Phố Lương Kệ:

- Điểm đầu: giao Tỉnh lộ 359 C, Tổ dân phố Lương Đường; điểm cuối: giáp địa phận phường Lưu Kiếm và phường Hoà Bình.

- Phố dài: 1.000m, rộng: 5,5-6m, vỉa hè: 1,5m.

7. Phường Hồng An: 05 phố

7.1. Phố Phạm Thi

- Điểm đầu: Điểm Trạm y tế Hồng An số 3 (ngã tư Tổ dân phố Đại Bản); điểm cuối: Nút giao ngã ba Tổ dân phố Xuyên Đông.

- Phố dài: 500m, rộng: 5,5m, vỉa hè: 1-1,5m.

7.2. Phố Phạm Đình Trọng

- Điểm đầu: giao Quốc lộ 5 (Cụm công nghiệp Thắng Lợi), Tổ dân phố Kinh Dao; điểm cuối: Trạm bơm Đồng Thanh, kênh Tân Hưng Hồng, Tổ dân phố Đồng Thanh.

- Phố dài: 1.400m, rộng: 7m, vỉa hè: 1-1,5m.

7.3. Phố Nam Bình

- Điểm đầu: giao Quốc lộ 5 (Chợ Hổ), Tổ dân phố Kinh Dao; điểm cuối: ngã ba Công ty cầu đường 10, Tổ dân phố Kinh Dao.

- Phố dài: 600m; rộng: 7m; vỉa hè: 1-1,5m.

7.4. Phố An Hưng

- Điểm đầu: Công ty Cổ phần Thương mại và Du lịch Kim Liên; điểm cuối: ngã ba Giếng Nam, Tổ dân phố Kinh Dao.

- Phố dài: 1.200m, rộng: 7-9m, vỉa hè: 1-1,5m.

7.5. Phố An Hồng Phúc

- Điểm đầu: Trạm bơm Thuận Ty, Tổ dân phố An Hồng; điểm cuối: giao Tỉnh lộ 351.

- Phố dài: 1.400m; rộng: 5,5m; vỉa hè 1-1,5m.

8. Phường Hồng Bàng: 01 phố

8.1. Phố Nguyễn Trí Hòa

- Điểm đầu: số 87 Hùng Duệ Vương; điểm cuối: số 38 đường Vạn Kiếp.

- Phố dài: 260m, rộng: 5m, vỉa hè: 1-4m.

9. Phường Hưng Đạo: 07 phố

9.1. Phố Đông

- Điểm đầu: số 289 phố Trần Bá Lương; điểm cuối: số 339D phố Trần Bá Lương.

- Phố dài: 280m, rộng: 5m.

9.2. Phố Trần Quốc Thành

- Điểm đầu: số 111 phố Tiểu Trà; điểm cuối: số 75 Trần Bá Lương,

- Phố dài: 344m, rộng: 5,2m.

9.3. Phố Phúc Thịnh

- Điểm đầu: số 167 phố Phúc Lộc (Trường Mầm non Phúc Lộc); điểm cuối: số 56 ngõ 137 phố Lưu Trọng Lư.

- Phố dài: 300m, rộng: 5m.

9.4. Phố Quảng Bắc

- Điểm đầu: số 280 phố Đa Phúc; điểm cuối: Nhà thờ Quảng Luận.
- Phố dài: 400m, rộng: 6m.

9.5. Phố Quảng Trung

- Điểm đầu: số 236 phố Đa Phúc; điểm cuối: số 47 phố Quảng Luận.
- Phố dài: 450m, rộng: 12m, vỉa hè: 1,5m.

9.6. Phố Quảng Nam

- Điểm đầu: số 200 phố Đa Phúc; điểm cuối: số 55 phố Quảng Luận.
- Phố dài: 300m, rộng: 4,5m.

9.7. Phố Quảng Phúc

- Điểm đầu: số 196 phố Đa Phúc; điểm cuối: Nhà thờ Phúc Hải.
- Phố dài: 350m, rộng: 12m, vỉa hè: 1,5m.

10. Phường Lưu Kiếm: 02 phố

10.1. Phố Mỹ Liệt

- Điểm đầu: giao Quốc lộ 10; điểm cuối: Cầu giáp ranh phường Bạch Đằng, Tổ dân phố Mỹ Liệt (thửa số 1665B, tờ bản đồ số 01).
- Phố dài: 1.450m; rộng: 7m, vỉa hè: 2m.

10.2. Phố Trại Dưới

- Điểm đầu: thửa số 1340, tờ bản đồ số 04; điểm cuối: Cầu Hòn Ngọc 1 (thửa số 1572, tờ bản đồ số 04).
- Phố dài: 1.031m, rộng: 5,5m, vỉa hè: 1,5m.

11. Phường Nam Đồ Sơn: 02 phố

11.1. Phố Nghĩa Sơn

- Điểm đầu: tờ bản đồ số 104, thửa số 94 (Tổ dân phố Minh Tiến); điểm cuối: tờ bản đồ số 102, thửa số 95 (Tổ dân phố Minh Tiến).
- Phố dài: 600m; rộng: 8m.

11.2. Phố Trung Hải

- Điểm đầu: ngã tư Bưu điện giáp đường Bàng La; điểm cuối: số nhà 101, giáp đường Đại Thắng.
- Phố dài: 197m; rộng: 3,5-4m.

12. Phường Nam Triệu: 03 phố

12.1. Phố Phả Lễ

- Điểm đầu: ngã ba thuộc Tổ dân phố Nam, tờ bản đồ số 02, mảnh số 12, thửa số 768; điểm cuối: cống Phả Lập.

- Phố dài: 2.000m, rộng: 7m, vỉa hè: 1m.

12.2. Phố Phục Hưng

- Điểm đầu: Nghĩa trang Phục Lễ; điểm cuối: thửa số 932A, tờ bản đồ số 03.

- Phố dài: 1.500m, rộng: 6m, vỉa hè: 1m.

12.3. Phố Phục Lễ

- Điểm đầu: ngã ba Tổ dân phố Sỏ, tờ bản đồ số 04 đồ số 03, thửa số 552; điểm cuối: Tổ dân phố Trung, tờ bản đồ số 03, thửa số 681.

- Phố dài: 300m, rộng: 7m, vỉa hè: 1m.

13. Phường Tân Hưng: 02 phố

13.1. Phố Liễu Hạnh

- Điểm đầu: Phố Nguyễn Sinh Sắc (thửa số 81, tờ bản đồ số 140); điểm cuối: phố Nguyễn Sinh Sắc (thửa số 211, tờ bản đồ số 141).

- Phố dài: 1.105m, rộng: 9m, vỉa hè: 3 - 5m.

13.2. Phố Nguyễn Như Đồ

- Điểm đầu: Khu dân cư đô thị mới Tân Phú Hưng mở rộng, Tổ dân phố số 2; điểm cuối: phố Lương Như Hộc, Tổ dân phố Khuê Liễu.

- Phố dài: 501m, rộng: 7,5m, vỉa hè: 3m.

14. Phường Thiên Hương: 01 phố

14.1. Phố Trịnh

- Điểm đầu: giao Quốc lộ 10; điểm cuối: gồm 2 nhánh (nhánh 1: giao Tỉnh lộ 352, hết địa phận phường Thiên Hương; nhánh 2: giao Quốc lộ 10).

- Phố dài: 2.220m, rộng: 7-11m, vỉa hè: 1,5m.

15. Phường Thủy Nguyên: 06 phố

15.1. Phố Tân Dương

- Điểm đầu: khu tái định cư Miếu Trắng, Tổ dân phố Tân Dương 3; điểm cuối: chùa Minh Tường, Tổ dân phố Tân Dương 1.

- Phố dài: 1.420m; rộng: 5,5m; vỉa hè: 2m.

15.2. Phố Dục Liễn

- Điểm đầu: ngã tư giáp đường Thủy Sơn; điểm cuối: giao Quốc lộ 10.

- Phố dài: 1.810m; rộng: 7-9m; vỉa hè: 3m.

15.3. Phố Đoàn Hữu Chân

- Điểm đầu: giao Tổ dân phố Thủy Đường 5; điểm cuối: giao Tổ dân phố Thủy Đường 6.

- Phố dài: 800m, rộng: 4-5m, vỉa hè: 1-3m.

15.4. Phố Trần Quang Tá

- Điểm đầu: ngã ba Tỉnh lộ 203; điểm cuối: đê tả Sông Cấm.

- Phố dài: 910m; rộng: 5,5 m.

15.5. Phố Tô Kim Bảng

- Điểm đầu: đường nhánh Khu công nghiệp VSIP, Tổ dân phố Dương Quan 1; điểm cuối: chùa Tường Quang, Tổ dân phố Dương Quan 2.

- Phố dài 1.230m; rộng 5,5m; vỉa hè: 1m.

15.6. Phố Sơn Đào

- Điểm đầu: giao Tỉnh lộ 359C (khu Ba Toa); điểm cuối: ngã ba đường Tổ dân phố Thủy Đường 1.

- Phố dài: 1.170m, rộng: 5-7m, vỉa hè: 1-3m.

III. ĐẶT TÊN 03 CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG

1. Vườn hoa Hạ Đoạn

Vườn hoa Hạ Đoạn, phường Đông Hải; diện tích 7.800m², gồm các hạng mục: đường dạo, sân chơi, cây xanh, thảm cỏ, hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống điện chiếu sáng.

2. Vườn hoa Xâm Bò

Vườn hoa Xâm Bò, phường Đông Hải; diện tích 3.321,1m², gồm các hạng mục: đường dạo, sân chơi, cây xanh, thảm cỏ, hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống điện chiếu sáng, hồ bán nguyệt.

3. Vườn hoa Hải Thành

Vườn hoa Hải Thành, phường Dương Kinh; diện tích 4.317,82m², gồm các hạng mục: đường dạo, sân chơi, cây xanh, thảm cỏ, hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống điện chiếu sáng./.